

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51 /2021/ HNGĐ-ST
Ngày 30/3/2021
V/v: tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Tử Diệc

2. Ông Lê Việt Hùng

-Thư ký phiên tòa: bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: không tham gia

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 561/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 09/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973. Địa chỉ: 64/4, ấp Phước Lợi, xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: bà Phạm Thu V, sinh năm 1972. Địa chỉ: 64/4, ấp Phước Lợi, xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông và bà Phạm Thu V thông qua mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009, nhưng không tổ chức lễ cưới, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống tại nhà của ông ở ấp Phước Lợi, xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, nghề nghiệp làm thuê, sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Vân không chung thủy trong đời sống vợ chồng, có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, khi ông phát hiện được thì vợ chồng xảy ra cự cãi, xô xát nhau, ông có đánh bà Vân nên bà Vân bỏ nhà ra đi khoảng 06 tháng nay. Vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên ông yêu cầu giải quyết ly hôn.

Con chung có một người tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/4/2010 ông đang nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn bà Phạm Thu V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân đúng như ông Nguyễn Thanh H trình bày. Bà và ông H tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cháu ngoại của bà bị em ruột ông H có hành vi xâm hại, bà báo với chính quyền địa phương thì giữa bà và ông H xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ông H đánh đập bà, chung sống không hạnh phúc nên bà ra đi, không còn chung sống với ông H khoảng 06 tháng nay. Nay bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H nên đồng ý ly hôn.

Con chung có một người tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/4/2010 đồng ý giao con cho ông H nuôi theo nguyện vọng của con, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngày 29/12/2020, Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự, đến ngày 05/01/2021 bà Phạm Thu V gửi bản tường trình yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải lại để bà yêu cầu chia Tài sản chung.

Tòa án mời các đương sự hòa giải lại theo yêu cầu của bà V, nhưng bà V vắng mặt không có lý do, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Mở phiên tòa lần thứ nhất vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 09/3/2021, bà V vắng mặt lần thứ nhất nên hoãn phiên tòa và mở lại vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 30/3/2021.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thu V đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Thanh H khởi kiện xin ly hôn bà Phạm Thu V, cư trú ấp Phước L, xã Thạnh Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Phạm Thu V đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh Hùng, xét thấy:

Ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thu V xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2011, hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một người con, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bất đồng ý kiến thường xuyên xảy ra cự cãi, chung sống không hạnh phúc nên ông bà thuận tình ly hôn vào ngày 29/12/2020. Tuy nhiên sau khi Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành thì bà V yêu cầu giải quyết lại để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, nhưng sau đó Tòa án mời nhiều lần bà Vân không tham gia giải quyết, không gặp ông H để bàn bạc cụ thể mà vắng mặt không có lý do.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà V là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn bà Vân.

[3] Về nuôi con chung: có một người con tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/4/2010 ông H đang nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu N sống với ông H. Vì vậy giao con chung Nguyễn Hoàng N cho ông H nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Phần cấp dưỡng nuôi con ông Hùng không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Thanh Hùng phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H. Cho ông H được ly hôn bà Phạm Thu V.

2.Về nuôi con chung: giao con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 03/4/2010 cho ông Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con ông H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Bà Phạm Thu V có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3.Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006314 ngày 08/12/2020 tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ông H đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA